

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/HS-ST
Ngày: 26/11/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Dương

2. Ông Nguyễn Trung Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Chung Hữu Toàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Hứa Văn Biên, Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 35/2018/TLST - HS ngày 09/11/2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐXXHS-ST ngày 12/11/2018 đối với:

Bị cáo Quách Văn N, sinh năm 1979 tại Trà Vinh; Nơi cư trú: Khóm 1, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Quách Văn Q và bà Nguyễn Thị N (chết); vợ Trương Thị Lệ C sinh năm 1981 (đã ly hôn), con 01 người sinh năm 2008; anh chị em ruột: 05 người; lớn nhất sinh năm 1970, nhỏ nhất sinh năm 1983; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 12/10/2018 (bị cáo có mặt);

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1993, nơi cư trú: Khóm 1, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, (có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Chị Quách Thị L sinh năm 1970, nơi cư trú: Khóm 1, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, (có mặt);

- Người làm chứng:

1. Chị Phạm Thị T sinh năm 1971, nơi cư trú: Khóm 1, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, (vắng mặt).

2. Chị Quách Lâm Ngọc H sinh năm 2002, nơi cư trú: Ấp Đ, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 25/5/2018, Nguyễn Văn Đ ngụ khóm 1, thị trấn M, huyện C điều khiển xe mô tô Sirius màu đỏ đen, biển số 84E1-034.17 đến dừng trước quán nước của bà Phạm Thị T (tên gọi khác là Út C) thuộc khóm 1, thị trấn M rồi đi qua tiệm game bắn cá của Nguyễn Văn Q ở đối diện chơi, khi dừng xe anh Đ không rút chìa khóa xe ra. Lúc này, N đi từ trong nhà cha ruột tên Quách Văn Q ra ngoài sân thì phát hiện chiếc xe mô tô của anh Đ đang dừng trước sân nhà bà T, chìa khóa cắm sẵn trong xe nên N nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô của anh Đ để bán lấy tiền tiêu sài. Lúc này, N đi lại nằm vờng trước sân nhà bà T quan sát không thấy ai nên đứng dậy lên lút, bí mật đi đến chiếc xe và leo lên xe nổ máy điều khiển chạy về hướng Cầu Ngang. N chạy xe đến đường G, quận T, thành phố Hồ Chí Minh nhờ người bạn tên T (không rõ họ tên, địa chỉ) bán được số tiền 2.500.000 đồng và được cho thêm một tép ma túy đá, N kêu T lấy phân nửa số ma túy đá về sử dụng. N đi về khách sạn K ở phường T, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh sử dụng hết số ma túy đá và tiêu xài hết số tiền 2.500.000 đồng. Sau khi phát hiện bị mất tài sản, anh Đ đến trình báo Công an. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Ngang xác minh làm rõ.

Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 14/KL.HĐĐG ngày 20/6/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cầu Ngang kết luận: Trị giá tài sản một xe mô tô Sirius màu đỏ đen, biển số 84E1-034.17 là 13.800.000 đồng (Mười ba triệu tám trăm nghìn đồng).

Ngày 11/7/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cầu Ngang ra quyết định khởi tố vụ án hình sự. Ngày 10/10/2018 khởi tố bị can, ngày 12/10/2018 bắt Quách Văn N tạm giam cho đến nay. Quá trình điều tra bị cáo N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Cáo trạng số 31/VKS- HS ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo Quách Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 25/5/2018, tại khóm 1, thị trấn M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, khi phát hiện có chiếc xe mô tô Sirius màu đỏ đen, biển số 84E1-034.17 để trước quán nước của bà T, gần nhà cha mẹ bị cáo, xe có sẵn chìa khóa trong xe nên bị cáo trộm cắp bán lấy tiền tiêu sài với tổng trị giá tài sản bị thiệt hại là 13.800.000đ (Mười ba triệu tám trăm nghìn đồng). Các lời khai tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay là do bị cáo tự khai, không ai ép buộc, bị cáo thống nhất nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo là đúng.

Tại phiên tòa bị hại có đơn xin xét xử vắng mặt, yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Quách Thị L khai: Chị là chị ruột bị cáo, chị tự nguyện bồi thường cho anh Đ số tiền 10.000.000 đồng thay cho bị cáo, nay chị không yêu cầu bị cáo trả lại.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng đã nêu; đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Quách Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”, áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Quách Văn N từ 09-12 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu nên không xét. Ngoài ra Kiểm sát viên còn đề nghị xử lý vật chứng và án phí theo quy định.

Bị cáo không tranh luận gì với lời luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng: Thời gian bị cáo bị tạm giam, bị cáo biết hành vi của bị cáo là sai và xin hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi và quyết định tố tụng:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cầu Ngang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định bị cáo có tội:

Tại phiên tòa bị cáo Quách Văn N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng, tang vật thu giữ được có trong hồ sơ vụ án và Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo cho nên hành vi của bị cáo Quách Văn N lén lút trộm cắp xe mô tô Sirius của anh Nguyễn Văn Đ trị giá 13.800.000 đồng đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại Điều 173 Bộ luật hình sự. Xét cáo trạng số 31/VKS- HS ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo về tội danh nêu trên và luận tội của Kiểm sát viên đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, cụ thể là tài sản hợp pháp của anh Đ được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm phạm đều được xử lý nghiêm minh. Bị cáo có sức khỏe, bị cáo phải biết lao động tạo ra nguồn thu nhập chính đáng để nuôi sống bản thân giúp ích cho gia đình và xã hội, nhưng với bản tính không lao động mà được hưởng lợi với tư tưởng và ý nghĩ đó nên bị cáo đã phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo làm ảnh hưởng xấu về an ninh trật tự trong xã hội, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có năng lực chịu trách nhiệm hình sự,

nhận biết được tính nguy hiểm cho xã hội, nhận thấy được hậu quả xảy ra nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi, hậu quả mà bị cáo đã gây ra.

Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi trộm cắp tài sản xảy ra ngày càng nhiều, để góp phần đấu tranh bài trừ các hành vi này, vì vậy cần xử phạt bị cáo nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ tác dụng để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân tốt sống có ích cho gia đình, xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành thật khai báo, gia đình bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại xong và bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Xét thấy đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự sẽ được áp dụng khi quyết định hình phạt.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không yêu cầu nên không xét.

[7] Về vật chứng: Một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 006104 mang tên Nguyễn Văn Đ được trả lại anh Đ.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo Quách Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Quách Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Quách Văn N 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn phạt tù được tính từ ngày 12/10/2018.

Về vật chứng:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự;

Tuyên trả bị hại anh Nguyễn Văn Đ một giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 006104 mang tên Nguyễn Văn Đ.

Về án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Quách Văn N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền

kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- Công an huyện Cầu Ngang;
- Công an xã nơi bị cáo cư trú;
- Sở tư pháp tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tranh